

ĐỐI TƯỢNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA MÔ HÌNH TỔNG KẾ TOÁN NHÀ NƯỚC

Hệ thống thông tin kế toán Nhà nước là bộ phận cấu thành hệ thống thông tin quản lý tài chính ngân sách của Nhà nước với mục tiêu là thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin về hoạt động tài chính, ngân sách phục vụ cho công tác quản lý điều hành, kiểm tra giám sát tác nghiệp của đơn vị thuộc lĩnh vực Nhà nước, chỉ đạo lãnh đạo của cơ quan quản lý Nhà nước

Để thực hiện được điều đó cần phải xây dựng một bộ máy thi hành triển khai, đó là Tổng kế toán Nhà nước. Một trong những việc quan trọng để xác định rõ mô hình Tổng kế toán Nhà nước phải kể tới xác định rõ đối tượng thông tin các chỉ tiêu thông tin của mô hình này. Tham luận này mong muốn trước hết sẽ làm rõ bản chất hệ thống thông tin kế toán Nhà nước, các đối tượng sử dụng thông tin và đối tượng cung cấp thông tin, sau đó là nội dung cơ bản về các chỉ tiêu thông tin và cuối cùng là tổ chức thu thập, xử lý phân tích và cung cấp thông tin của mô hình Tổng kế toán Nhà nước.

1. Bản chất hệ thống thông tin kế toán Nhà nước:

Hệ thống thông tin là một tập hợp các nguồn dữ liệu và thủ tục xử lý các nguồn dữ liệu để tạo ra những thông tin hữu ích cho người sử dụng. Hệ thống thông tin kế toán là sự giao thoa giữa hệ thống thông tin và hệ thống kế toán trên cơ sở thông tin kế toán của đối tượng cung cấp thông tin và yêu cầu của đối tượng sử dụng thông tin kế toán.

Hệ thống thông tin kế toán Nhà nước là sử dụng công nghệ thông tin trên cơ sở tổ chức hệ thống kế toán Nhà nước để thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin về hoạt động tài chính, ngân sách Nhà nước (NSNN). Nói rộng ra là hoạt động của quá trình thu, chi NSNN, nợ Nhà nước, các Quỹ tài chính của Nhà nước bên cạnh NSNN, thu chi các đơn vị sử dụng NSNN, đơn vị thực hiện các dịch vụ của Nhà nước và hoạt động tạo ra các tài sản tiền vốn của Nhà nước.

Hệ thống
thông tin

Hệ thống
thông tin kế
toán Nhà
nước

Hệ thống kế
toán Nhà
nước

Như vậy bản chất của hệ thống thông tin kế toán Nhà nước là sự tập hợp các thành phần dữ liệu thông tin đầu vào, lưu trữ xử lý thông tin, cung cấp thông tin đầu ra theo các quy trình nghiệp vụ kế toán phục vụ quản lý tài chính ngân sách của Nhà nước.

2. Đối tượng sử dụng thông tin và đối tượng cung cấp thông tin kế toán Nhà nước

- Đối tượng được cung cấp sử dụng thông tin kế toán của Nhà nước bao gồm:

+ Theo chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAP6 và IPSAP24), là các đơn vị được quyền kiểm soát và chi phối các chính sách hoạt động và chính sách tài chính có dấu hiệu và điều kiện về quyền lực và lợi ích chi phối các đơn vị khác là các đơn vị được sử dụng thông tin như: Chính quyền Trung ương và Chính quyền khu vực, chính quyền địa phương và các đơn vị được chính quyền các cấp ủy quyền quản lý cấp trên.

+ Theo quy định pháp luật của Việt Nam (Luật Kế toán và Nghị định 128/NĐ-CP ngày 31/05/2004) bao gồm: Quốc hội (Văn phòng Quốc hội, Cơ quan Quốc hội), Hội đồng Nhân dân các cấp, Chính phủ (Văn phòng Chính phủ, Bộ, Ngành), UBND các cấp

và đơn vị thuộc UBND các cấp, Tòa án, Viện Kiểm sát, Cơ quan cấp trên của đơn vị sử dụng kinh phí NSNN và đơn vị sự nghiệp.

- *Đối tượng cung cấp thông tin kế toán Nhà nước bao gồm:*

+ Theo chuẩn mực kế toán công quốc tế ((IPSAP6 và IPSAP22) là các đơn vị chịu sự kiểm soát, bị chi phối bởi các chính sách hoạt động và chính sách tài chính của đơn vị kiểm soát, các đơn vị chịu sự quản lý điều hành, quyết định việc thành lập, giải thể, phá sản, xử lý tài sản, công nợ, thanh toán bởi đơn vị kiểm soát bao gồm: Các đơn vị sử dụng kinh phí của chính quyền Trung ương, chính quyền khu vực và chính quyền địa phương, các đơn vị cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp, các tổ chức nghề nghiệp thuộc chính quyền các cấp.

+ Theo quy định của Luật pháp Việt Nam (Luật Kế toán, Nghị định 128/NĐ-CP), là các Cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp sử dụng kinh phí NSNN, các quỹ tài chính, các dự án đầu tư, các Tổ chức quản lý Tài sản quốc gia, các tổ chức chính trị, tổ chức nghề nghiệp.

3. Đối tượng thông tin kế toán theo mô hình Tổng kế toán Nhà nước:

Đối tượng thông tin của mô hình Tổng kế toán Nhà nước là: Thu, Chi, kết dư NSNN; Vay trả nợ Nhà nước; Thu - Chi các quỹ tài chính bên cạnh NSNN; Thu - chi - tài sản - công nợ - các quỹ tài chính của đơn vị sử dụng kinh phí NSNN; Đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị quản lý tài sản Nhà nước, đơn vị chính trị, xã hội, nghề nghiệp.

- Đối với Ngân sách Nhà nước:

+ Theo quy định báo cáo GFS:

Thu	Chi
1. Thu thuế	1. Chi thù lao người lao động
2. Đóng góp xã hội	2. Sử dụng hàng hóa dịch vụ
3. Tài trợ	3. Tiêu dùng vốn cố định
4. Thu khác	4. Lãi suất
	5. Trợ cấp

	6. Tài trợ 7. Phúc lợi xã hội 8. Chi khác
--	---

+ Theo quy định của Nhà nước Việt Nam:

Thu NSNN	Chi NSNN
1. Thu thuế 2. Thu phí, lệ phí ngoài thuế 3. Thu dầu thô 4. Thu về vốn tài sản 5. Thu viện trợ 6. Thu khác	1. Chi đầu tư phát triển: <ul style="list-style-type: none"> - Chi ĐT XD CB - Chi xúc tiến thương mại - Chi góp cổ phần - 2. Chi viện trợ 3. Chi trả nợ lãi, phí 4. Chi thường xuyên 5. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 6. Chi cho vay 7. Chi chuyển giao ngân sách 8. Chi trả nợ gốc 9. Chi tạm ứng

+ Các Quỹ Tài chính:

Thu	Chi
1. Thu NSNN cấp 2. Thu phí, lệ phí	1. Chi hoạt động bộ máy 2. Chi hoạt động nghiệp vụ

<ul style="list-style-type: none"> 3. Thu đóng góp 4. Thu sự nghiệp 5. Thu khác 	<ul style="list-style-type: none"> 3. Chi đầu tư XDCB 4. Chi dự án 5. Chi hoạt động sự nghiệp 6. Chi khác
--	---

Ngoài ra còn phải thông tin về tăng giảm tài sản cố định, tiền, vật tư, công nợ phải thu, phải trả, các quỹ tài chính của đơn vị.

- Đối với Nợ của Nhà nước:

1- Nợ trong nước

- Vay bù đắp bội chi

+ Trái phiếu

+ Vay khác

- Vay mục đích khác:

+ Công trái

+ Trái phiếu

+ Huy động

2- Vay nước ngoài:

- Vay bù đắp bội chi

- Vay về cho vay lại:

+ Dự án

- + Chương trình mục tiêu
- Vay mục đích khác

- Đối với các đơn vị sử dụng kinh phí NSNN và đơn vị khác:

1- Tài sản ngắn hạn

- Tiền mặt tiền gửi
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Vật tư, hàng hóa, công cụ
- Nợ phải thu

2- Tài sản dài hạn

- Tài sản cố định
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Đầu tư XDCB

3- Nguồn vốn, quỹ tài chính

4- Nợ phải trả

- Vay ngân hàng
- Nợ nhà cung cấp
- Thanh toán nội bộ

5- Thu

- Thu NSNN cấp
- Thu sự nghiệp
- Thu dịch vụ

6- Chi

- Chi hoạt động nghiệp vụ
- Chi công trình, dự án, đầu tư XD CB
- Chi dịch vụ

4. Tổ chức thu nhận, xử lý thông tin, cung cấp thông tin theo mô hình Tổng kế toán Nhà nước:

- Về chứng từ kế toán (Đầu vào):

Chứng từ kế toán chia thành các loại:

Loại 1 - Chứng từ tài sản, quản lý tài sản:

- + Tài sản tài chính
- + Tài sản phi tài chính

Loại 2 - Chứng từ thu nộp NSNN, thu nộp các đơn vị

Loại 3- Chứng từ thanh toán

Loại 4 - Chứng từ vay, thu nợ (trong nước, nước ngoài), huy động sử dụng các loại vốn quỹ.

- Về tài khoản kế toán (Dữ liệu):

Tài khoản được chia ra các loại sau:

Loại 1: Tài sản ngắn hạn:

- + Tiền, coi như tiền
- + Vật tư, hàng hóa
- + Đầu tư tài chính ngắn hạn
- + Nợ phải thu

Loại 2: Tài sản dài hạn:

- + Tài sản cố định
- + Cấp phát, đầu tư XD CB
- + Đầu tư tài chính dài hạn

Loại 3: Nợ phải trả

Loại 4: Nguồn vốn, quỹ

Loại 5: Các khoản thu

Loại 6: Các khoản chi

Loại 7: Cân đối thu, chi

Loại 8: Tài khoản dự toán

Loại 9: Tài khoản không đưa vào cân đối

- Về báo cáo Tài chính (Đầu ra):

- + Mẫu Bảng Tổng kết Tài sản quốc gia có thể bao gồm các chỉ tiêu sau:

Tài sản Có		Tài sản Nợ	
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
<p>1. Tài sản phi tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài sản cố định hữu hình - Tài sản cố định vô hình - Hàng tồn kho - Hàng hóa có giá trị - Tài sản phi sản xuất <p>2. Tài sản tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền, các khoản tương đương tiền - Đầu tư tài chính: <ul style="list-style-type: none"> + Chứng khoán, cổ phiếu + Công cụ phát sinh - Nợ phải thu - Dự phòng - Dự trữ quốc gia - Vàng, tiền tệ, dự trữ kim khí, đá quý 		<p>1. Nguồn vốn, quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn tự có (chủ sở hữu) - Các quỹ tài chính - Chênh lệch thu - chi, chênh lệch đánh giá tài sản - Kết dư ngân sách - Nguồn hình thành tài sản <p>2. Nợ phải trả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vay trong nước - Vay nước ngoài - Nợ nhà cung cấp - Thanh toán nội bộ 	
Tổng cộng Tài sản Có		Tổng cộng Tài sản Nợ	

+ Báo cáo Tài chính bao gồm các mẫu:

- Bảng tổng kết tài sản quốc gia

- Báo cáo tổng hợp chi phí, thu nhập của Nhà nước
- Báo cáo tổng hợp thu (theo chỉ tiêu thông tin thu của từng đối tượng).
- Báo cáo tổng hợp chi (theo chỉ tiêu thông tin chi của từng đối tượng).
- Báo cáo tăng giảm tài sản (theo từng đối tượng).
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

+ Mẫu báo cáo tổng hợp chi phí, thu nhập của Nhà nước có thể bao gồm các chỉ tiêu sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
Phần thu nhập		Phần chi phí	
1. Thu nhập trong nước quá trình hoạt động - Các khoản thuế - Các khoản phí, lệ phí - Các khoản thu phạt - Thu hồi dự phòng của Nhà nước 2. Thu nhập tài chính - Thu lợi tức góp vốn - Thu nhập do mua bán chứng khoán		1. Chi phí trong quá trình hoạt động - Mua hàng hóa, nguyên vật liệu - Thuê dịch vụ bên ngoài - Chi thù lao người lao động + Lương + Phụ cấp lương + Các khoản bảo hiểm, công đoàn... - Các khoản giảm thuế, hoàn	

<ul style="list-style-type: none"> - Thu lãi tiền gửi ngân hàng - Các khoản phải thu khác <p>3. Thu nhập khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán hàng hóa dịch vụ - Thu từ các hoạt động đầu tư, tài sản 		<p>thuế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi cho hoạt động xã hội - Chi trợ cấp <ul style="list-style-type: none"> + Giữa các cấp ngân sách + Trợ cấp doanh nghiệp + Trợ cấp các đơn vị, cá nhân khác - Chi đầu tư phát triển - Khấu hao tài sản cố định - Các khoản dự phòng <p>2. Chi phí tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự phòng giảm giá (tài sản cố định tài chính) - Chi trả lãi tiền vay - Các khoản lỗ do tham gia góp vốn <p>3. Chi phí khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi về tài sản - Chi phí tài sản - Chi từ các hoạt động đầu tư, tài sản 	
<p>Tổng cộng thu nhập</p>		<p>Tổng cộng chi phí</p>	
<p>Bội thu/ thâm hụt tài chính Nhà nước</p>			

PGS. TS Phạm Văn Đăng